

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM



GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Số: 85 /GP-UBND
Ngày cấp: 27 tháng 01 năm 2016

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh về công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Xét Đơn của Công ty TNHH Tuấn Dũng về đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 26/TTr-STNMT ngày 13/01/2015 (kèm theo Hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản; Biên bản họp Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò khoáng sản ngày 11/11/2015),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Tuấn Dũng được thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Đăk Tờ Kan, làng Kon Hnông, xã Đăk Tờ Kan, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum.

Diện tích khu vực thăm dò: 05 ha, được xác định bởi các điểm khép góc có tọa độ được xác định tại Bản đồ và Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép này.

Thời hạn thăm dò: 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày ký Giấy phép.

Khối lượng thăm dò chủ yếu: Theo Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

Lệ phí giấy phép: Theo quy định hiện hành.

Chi phí thăm dò: Bằng nguồn vốn tự có của doanh nghiệp (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của nhà nước).

Điều 2. Công ty TNHH Tuấn Dũng có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành; thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước (nếu có).

2. Thực hiện thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường

theo: Phương pháp, khối lượng quy định tại Điều 1 của Giấy phép; Đề án đã được UBND tỉnh Kon Tum chấp thuận và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan. Thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành. Công tác thăm dò phải được tiến hành bởi tổ chức có năng lực theo quy định hiện hành. Để đảm bảo chất lượng của công tác thăm dò, Công ty TNHH Tuấn Dũng có thể thuê tư vấn độc lập có đủ năng lực chuyên môn giám sát quá trình thi công.

3. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản; nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác trong quá trình thăm dò; nếu phát hiện các khoáng sản khác, phải kịp thời có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum để xử lý theo quy định.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng quặng cát làm vật liệu xây dựng thông thường cho mục đích sử dụng khai thác, chế biến. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Phối hợp chặt chẽ với UBND huyện Tu Mơ Rông, Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành chức năng có liên quan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về: Tài nguyên khoáng sản, đất đai, môi trường... khi tiến hành hoạt động thăm dò khoáng sản tại khu vực này.

6. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành;

7. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò và nộp báo cáo, mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào Lưu trữ Địa chất theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty TNHH Tuấn Dũng chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Cục Kiểm soát HĐKS miền Trung;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (3 bản);
- Sở Công Thương, Sở Xây dựng;
- UBND huyện Tu Mơ Rông;
- Cty TNHH Tuấn Dũng;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THẨM ĐÒ CÁT LÀM VLXDĐT
SÔNG ĐẮK TỜ KAN, LÀNG KON HÔNG, XÃ ĐẮK TỜ KAN,
HUYỆN TU MỜ RÔNG, TỈNH KON TUM.**

(Kèm theo Giấy phép thẩm dò số 85/GP-UBND
ngày 27 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	1 636 001	539 508
2	1 635 971	539 570
3	1 635 912	539 503
4	1 635 771	539 457
5	1 635 584	539 459
6	1 635 535	539 388
7	1 635 607	539 297
8	1 635 574	539 151
9	1 635 518	539 122
A	1 635 472	539 070
21	1 635 548	539 036
22	1 635 664	539 219
23	1 635 662	539 320
24	1 635 596	539 386
25	1 635 622	539 416
26	1 635 786	539 383
Diện tích: 05 ha		

**KHỐI LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC
CÔNG TÁC THĂM DÒ CHỦ YẾU**

(Kèm theo Giấy phép thăm dò số **86** /GP-UBND
ngày **27** tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Nội dung các hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Công tác trắc địa		
1	Lập lưới Giải tích I, công nghệ GPS	Điểm	4
2	Lập lưới Giải tích II	Điểm	4
3	Đường sườn kinh vĩ	Km	1
4	Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1: 2.000, (h = 1 m)		
4.1	- Ngoài trời	Km ²	0,05
4.2	- Trong phòng	Km ²	0,05
5	Định tuyến thăm dò (khoảng cách cọc = 20 m)	Km	0,363
6	Đo mặt cắt địa hình tỷ lệ 1: 2.000		0,363
7	Đưa công trình từ thiết kế ra thực địa	Điểm	17
8	Đưa công trình từ thực địa vào bản đồ	Điểm	10
II	Công tác thăm dò địa chất		
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ 1: 2.000		
2	Khoan thăm dò	m	30
III	Công tác ĐCTV-ĐCCT		
1	Đo vẽ ĐCTV-ĐCCT kết hợp tỷ lệ 1/5000		
1.1	Công tác thực địa (loại trung bình)	Km ²	0,05
1.2	Công tác văn phòng (loại trung bình)	Km ²	0,05
IV	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu		
1	Lấy mẫu		
1.1	Mẫu độ hạt, cơ lý	Mẫu	16
1.2	Mẫu hoá (ở lỗ khoan)	Mẫu	7
1.3	Mẫu trọng sa từ lõi khoan bỏ rời (độ dài 0.5m)	Mẫu	6
1.4	Mẫu nước	Mẫu	2
1.5	Mẫu nở rời và thể trọng lớn	Mẫu	4
2	Gia công mẫu		
2.1	Gia công mẫu độ hạt, trọng sa, cơ lý	Mẫu	22
2.2	Gia công mẫu hoá	Mẫu	7
3	Phân tích mẫu		
3.1	Độ hạt	Mẫu	10
3.2	Trọng sa	Mẫu	6
3.3	Mẫu hoá cơ bản (2 chỉ tiêu: SiO ₂ , Fe ₂ O ₃)	Mẫu	7
3.4	Mẫu nở rời và thể trọng lớn	Mẫu	4
3.5	Mẫu nước	Mẫu	2
3.6	Mẫu cơ lý (9 chỉ tiêu)	Mẫu	6



TT	Nội dung các hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
V	Lập báo cáo tổng kết	Bộ	1

